

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Gần
2. Nguyễn Thị Thúy Liễu

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2023/TLST–DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977(có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Thanh Trì A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Thanh Trì A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H như sau:***

Chị H và anh M chung sống năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc vào năm 2022. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh năm 1997; Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 2005. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ c H thường xuyên cự cãi sống không hạnh phúc. Chị H xác định tình cảm vợ c H không còn thương nhau nữa nên yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh M.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra để giải quyết
- Về tài sản chung. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị H bận công việc không đến tòa được nên có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng mặt.

* *Phía anh Nguyễn Văn M* Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nhưng anh có tờ tường trình gửi Tòa án là anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, con trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị được ly hôn với anh M. Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh M Tòa đã triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh M chung sống với nhau vào năm 1997. Đến năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh M thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc đã ly thân nhau nên chị H yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh M không đến cho thấy cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị được ly hôn với anh M là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử án không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 217; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xử án không đặt ra để xem xét giải quyết

Về án phí: Buộc chị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016513 ngày 7/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Do đó chị H không phải nộp nữa.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn – bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng